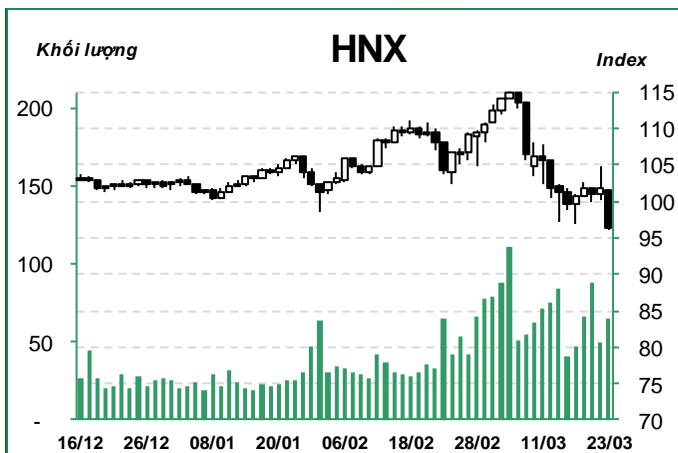
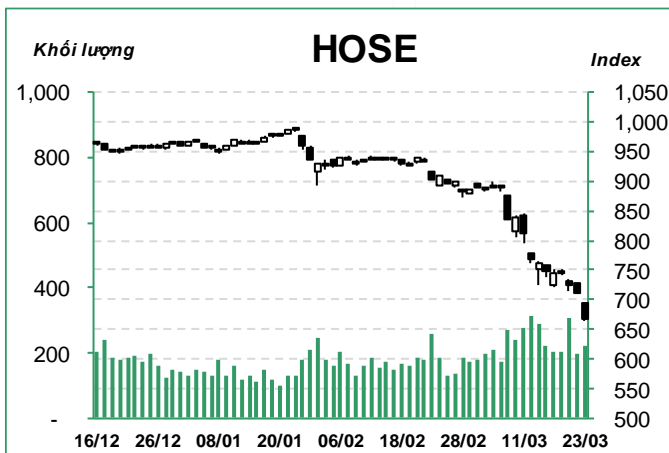


## Tổng quan thị trường

23/03/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>666.59</b>	<b>-6.08%</b>	<b>632.86</b>	<b>-6.06%</b>	<b>96.46</b>	<b>-5.24%</b>
Cuối tuần trước	709.73	-6.08%	673.70	-6.06%	101.79	-5.24%
Trung bình 20 ngày	810.48	-17.75%	770.46	-17.86%	105.98	-8.98%
<b>Tổng KLGD (triệu cp)</b>	<b>280.25</b>	<b>21.54%</b>	<b>117.79</b>	<b>29.84%</b>	<b>72.81</b>	<b>31.51%</b>
<b>KLGD khớp lệnh</b>	<b>223.31</b>	<b>13.08%</b>	<b>81.06</b>	<b>-0.14%</b>	<b>64.75</b>	<b>29.38%</b>
Trung bình 20 ngày	222.52	0.36%	77.36	4.79%	67.66	-4.30%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>4,828.38</b>	<b>14.50%</b>	<b>3,008.93</b>	<b>16.02%</b>	<b>754.53</b>	<b>62.98%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>3,189.19</b>	<b>1.63%</b>	<b>2,019.05</b>	<b>-7.19%</b>	<b>652.23</b>	<b>66.59%</b>
Trung bình 20 ngày	3,290.81	-3.09%	2,067.71	-2.35%	695.57	-6.23%
	<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>	
<b>Số mã tăng</b>	40	9%	2	7%	34	9%
<b>Số mã giảm</b>	363	86%	27	90%	149	40%
<b>Số mã đứng giá</b>	21	5%	1	3%	187	51%



Thị trường chứng khoán bất ngờ sụt giảm mạnh ngay khi mở cửa khi dịch Covid-19 ngày càng diễn biến phức tạp. Nỗi lo ngại về một cuộc suy thoái kinh tế khiến nhà đầu tư tăng cường hoạt động bán tháo cổ phiếu.

Chốt phiên, VN-Index đóng cửa tại mức 666.59 điểm (-6.08%). KLGD khớp lệnh đạt 223.3 triệu cổ phiếu (+13.1%), tương đương 3,189 tỷ đồng giá trị (+1.6%). Toàn sàn có đến 363 mã giảm so với chỉ 40 mã tăng. Trong khi đó, nhóm VN30 cũng có đến 27 mã giảm và đóng cửa ở giá sàn.

Đà giảm điểm của chỉ số đến từ việc các cổ phiếu vốn hóa lớn giảm sàn như Vingroup-VIC (-6.9%), Vietcombank-VCB (-7.0%), Vinhomes-VHM (-6.9%), Vinamilk-VNM (-7.0%),... Ở chiều ngược lại, Novaland-NVL (+2.0%), Đầu tư Hải Phát-HPX (+4.0%) và Thép Việt Ý-VIS (+5.1%) là điểm sáng của thị trường khi giữ được trong sắc xanh.

Khối ngoại thu hẹp đà bán ròng trên sàn HOSE, đạt giá trị 378.0 tỷ đồng (-59.0%). Các cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất là Masan-MSN (-99.7 tỷ), Hòa Phát-HPG (-86.5 tỷ), Vinamilk-VNM (-32.1 tỷ). Ngược lại, Cao su Phước Hòa-PHR (+8.7 tỷ), Vingroup-VIC (+8.4 tỷ), DV Hàng hóa Sài Gòn-SCS (+0.9 tỷ) là những cổ phiếu được mua ròng bởi khối ngoại.

Trên sàn Hà Nội, chỉ số HNX-Index cũng có phiên giảm mạnh và đóng cửa tại mức 96.46 điểm (-5.24%). Áp lực bán gia tăng với KLGD khớp lệnh đạt 64.7 triệu cổ phiếu (+29.4%), tương đương 652.2 tỷ đồng giá trị (+66.6%).

Trong đó, Ngân hàng Á Châu-ACB (-9.8%), Vicostone-VCS (-10.0%), Dầu khí PTSC-PVS (-9.8%), Ngân hàng SHB-SHB (-1.7%) là những cổ phiếu giảm điểm ảnh hưởng nhiều nhất đến chỉ số. Ngược lại, Thực phẩm Bích Chi-BCF (+10.0%), IDJ Financial-IDJ (+9.7%), Vinaconex-VCG (+0.4%) và Thực

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
REE	14,876.8	412.83
GAB	1,360.0	192.22
VPB	5,170.7	103.15
TPB	4,039.5	90.89
CAV	1,154.3	80.03
MBB	4,604.3	78.68
SJS	4,000.0	72.00
FPT	1,390.2	70.90
VIC	898.7	69.31
EIB	3,092.0	49.40
<b>HNX</b>		
VC3	2,857.0	42.86
NVB	1,900.0	17.67
HHC	104.0	10.40
ACB	400.1	8.60
SHS	870.0	5.48
TNG	423.0	4.27
IDC	220.0	3.94
TIG	760.0	3.80
SED	90.0	1.44
MBG	110.0	1.09

Phẩm Safoco-SAF (+9.6%) là những cổ phiếu có tín hiệu tích cực.

Khối ngoại thu hẹp đà bán ròng trên sàn Hà Nội, đạt giá trị 14.4 tỷ đồng (-33.9%). Với Dầu khí PTSC-PVS (-10.9 tỷ), Ngân hàng SHB-SHB (-1.5 tỷ), Y tế Việt Mỹ-AMV (-1.0 tỷ) bị bán ròng nhiều nhất trong khi Sơn Đồng Nai-SDN (+0.2 tỷ), Than Núi Béo-NBC (+0.1 tỷ), Mía đường Sơn La-SLS (+0.1 tỷ) là những cổ phiếu được mua ròng.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm thứ ba liên tiếp. Khối lượng giao dịch gia tăng lên trên mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền đang thoát ra ngoài. Không những vậy, chỉ số vẫn đang nằm trong xu hướng giảm điểm, khi chỉ số duy trì đóng cửa dưới hầu hết các đường MA quan trọng từ MA5 tới MA200, kèm theo chỉ báo xu hướng ADX đi lên vùng 62 và đường -DI nói rộng khoản cách lên phía trên so với +DI, cho thấy xu hướng giảm đang rất mạnh. Thêm vào đó, bộ chỉ báo MACD và RSI đang đi xuống tiêu cực, chỉ số có thể suy giảm về vùng 645 điểm (Fib 161.8) hoặc xa hơn có thể là vùng tâm lý 600 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên giảm điểm mạnh và duy trì đóng cửa dưới MA20, cho thấy xu hướng giảm đang tiếp diễn. Chỉ số có thể sớm suy giảm về thử thách ngưỡng 95 điểm (vùng đáy tháng 7/2018). Nhìn chung, xu hướng chính của thị trường vẫn là giảm điểm. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư nên duy trì tỷ trọng danh mục ở mức an toàn nhằm tránh những rủi ro bất ngờ từ thị trường.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SMA	14.9	0.0	6.8%
ABS	15.8	8.1	6.8%
TNC	13.7	143.2	6.6%
SGR	15.6	13.5	6.5%
CIG	2.0	0.3	6.5%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
FIT	6.0	938.8	-7.0%
VTO	6.5	32.3	-7.0%
BHN	49.9	2.8	-7.0%
FDC	9.2	4.1	-7.0%
GMC	14.0	14.1	-7.0%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
MSN	49.2	242.2	0.0%
HPG	17.3	224.4	-7.0%
VNM	83.7	185.4	-7.0%
MBB	14.9	144.3	-6.9%
FPT	44.4	127.0	-6.9%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
FLC	3.3	14,550.5	-6.9%
HPG	17.3	12,947.2	-7.0%
STB	9.1	10,633.2	-6.9%
HQC	1.1	10,316.0	-6.7%
MBB	14.9	9,616.9	-6.9%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
TC6	4.4	7.7	10.0%
BCF	53.0	0.1	10.0%
IDJ	18.1	614.6	9.7%
SAF	58.0	0.3	9.6%
VE4	8.1	0.1	9.5%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
NHP	0.4	242.9	-20.0%
BII	0.6	297.7	-14.3%
VIG	0.7	49.8	-12.5%
KVC	0.8	471.4	-11.1%
PVX	0.8	1,972.4	-11.1%

#### Top 5 giá trị

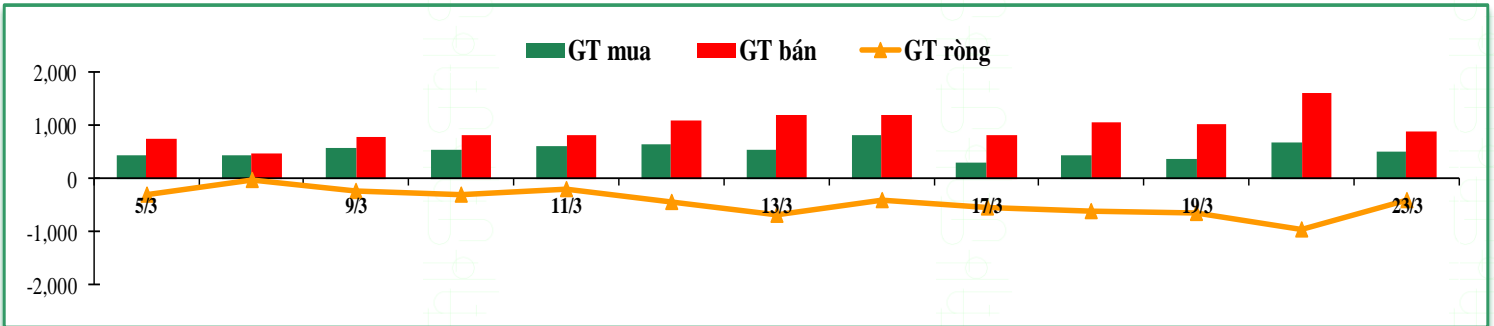
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	19.3	199.0	-9.8%
SHB	11.8	161.6	-1.7%
PVS	10.1	64.1	-9.8%
VCS	51.3	36.7	-10.0%
NVB	8.4	23.2	-1.2%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	11.8	13,749.7	-1.7%
ACB	19.3	10,024.2	-9.8%
KLF	2.1	7,534.0	5.0%
PVS	10.1	6,259.2	-9.8%
HUT	1.8	5,414.8	-10.0%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	493.2	15.5%	871.2	27.3%	-378.0
HNX	7.9	1.2%	22.3	3.4%	-14.4
<b>Tổng số</b>	<b>501.1</b>		<b>893.5</b>		<b>-392.4</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VIC	76.8	106.4	-6.9%
MBB	14.9	68.6	-6.9%
FPT	44.4	62.5	-6.9%
TCB	16.2	40.3	-6.9%
PNJ	51.2	35.2	-6.9%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
MSN	49.2	100.2	0.0%
VIC	76.8	98.0	-6.9%
HPG	17.3	87.2	-7.0%
MBB	14.9	68.6	-6.9%
VNM	83.7	64.7	-7.0%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PHR	38.5	8.7	-6.9%
VIC	76.8	8.4	-6.9%
SCS	92.6	0.9	-6.9%
HPX	29.8	0.7	4.0%
DHG	75.5	0.4	-3.2%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	19.3	5.4	-9.8%
TIG	4.5	0.7	-10.0%
SHS	6.1	0.5	-9.0%
SDN	27.0	0.2	-10.0%
TNG	10.1	0.2	-9.8%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	10.1	10.9	-9.8%
ACB	19.3	5.4	-9.8%
SHB	11.8	1.5	-1.7%
AMV	11.9	1.0	-9.9%
TIG	4.5	0.9	-10.0%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SDN	27.0	0.2	-10.0%
NBC	5.7	0.1	-5.0%
SLS	40.0	0.1	-7.2%
BVS	8.4	0.1	-4.6%
IDV	29.3	0.1	-9.6%

## Tin trong nước

### Tỷ giá USD lại tăng, lên 23.900 đồng ở thị trường tự do

Ngày 23/3, tỷ giá trung tâm VND/USD được Ngân hàng Nhà nước (NHNN) công bố ở mức 23.259 đồng, tăng 7 đồng so với 22/3. Tỷ giá tham khảo tại Sở giao dịch NHNN hiện mua vào ở mức 23.175 đồng (không đổi) và bán ra ở mức 23.907 đồng (tăng 11 đồng). Trong 2 phiên trước đó, tỷ giá trung tâm tăng 20 đồng.

Tại các ngân hàng thương mại, sau khi không thay đổi nhiều trong buổi sáng, giá USD tăng 40-100 đồng lên quanh 23.460 đồng/USD mua vào và 23.630 đồng/USD bán ra.

Lúc 13h30, Vietcombank niêm yết tỷ giá mua vào và bán ra lần lượt 23.480 đồng/USD và 23.640 đồng/USD, tăng lần lượt 140 đồng và 110 đồng so với cuối tuần trước. Giá tại BIDV lần lượt 23.450 đồng và 23.610 đồng/USD, tăng 45 đồng. Tại VietinBank, đồng bạc xanh có giá 23.470 đồng và 23.630 đồng/USD, tăng 80 đồng và 70 đồng, Agribank để giá 23410 đồng và 23520 đồng/USD.

Trên thị trường tự do, giá USD mua vào ở 23.800 đồng và bán ra 23.900 đồng, tăng 50 - 100 đồng so với cuối tuần trước.

Xuất khẩu thủy sản sang Trung Quốc giảm 44% do ảnh hưởng dịch Covid-19

Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) dẫn số liệu thống kê của Hải quan cho biết, tính đến hết tháng 2/2020, xuất khẩu thủy sản của cả nước đạt trên 991 triệu USD, giảm gần 11% so với cùng kỳ năm ngoái.

Dịch Covid-19 ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, xuất khẩu ảnh hưởng nhiều nhất đến thị trường Trung Quốc trong 2 tháng đầu năm, khiến kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này giảm mạnh 44%. Xuất khẩu sang EU cũng giảm mạnh 20%, các thị trường khác như ASEAN, Hàn Quốc giảm lần lượt 4% và 9% so với cùng kỳ năm ngoái.

Đại dịch Covid-19 đã và đang gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến rất nhiều lĩnh vực kinh tế như giao thông vận tải, du lịch, bán lẻ, thị trường chứng khoán, chuyển phát nhanh, logistics, do vậy hoạt động sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu thủy sản cũng không tránh khỏi ảnh hưởng ít nhất cho đến hết nửa đầu năm 2020. Không chỉ xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc bị ảnh hưởng mà xuất khẩu sang các thị trường khác cũng bị tác động.

VASEP dự báo việc đóng cửa các cửa khẩu do dịch COVID 19 có thể làm giảm ít nhất 20% xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Trung Quốc trong 3 tháng đầu năm.

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **Vinamilk đạt mục tiêu doanh thu 2020 tối thiểu tăng 10%**

Năm 2020, Vinamilk (HoSE: VNM) đề ra mục tiêu doanh thu hợp nhất không thấp hơn 62.000 tỷ đồng, tăng 10%. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu không thấp hơn 20%, tương đương 12.400 tỷ đồng (giảm nhẹ so năm trước).

Năm 2019, công ty đạt tổng doanh thu hợp nhất 56.400 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 10.554 tỷ đồng, lần lượt tăng 7,2% và 3,4% so với cùng kỳ năm trước.

Việc hoàn tất sở hữu 75% vốn Công ty GTNfoods (HoSE: GTN), qua đó tham gia điều hành Công ty sữa Mộc Châu sở hữu 25.000 con tại cao nguyên Mộc Châu. Thương vụ M&A giúp Vinamilk có bước tiến lớn về phát triển vùng nguyên liệu sữa tươi, quy mô đàn bò do Vinamilk và Mộc Châu Milk quản lý và khai thác sữa đạt khoảng 155.000 con.

Vinamilk đang quản lý 12 trang trại với 30.000 con bò. Dự kiến trong quý II năm nay, công ty hoàn thiện và đưa vào hoạt động trang trại bò sữa Quảng Ngãi. Công ty cũng dự kiến khởi công xây dựng thêm các trang trại bò sữa tại Đồng Nai, Cần Thơ và Lào.

### **Công ty đầu tư khu công nghiệp Vinhomes tăng vốn lên 6.000 tỷ đồng, gấp 86 lần**

CTCP Đầu tư Khu công nghiệp Vinhomes (công ty con của Vinhomes - HoSE: VHM) vừa tăng vốn điều lệ từ 70 tỷ đồng lên 6.000 tỷ đồng, tức gấp 86 lần. Thông tin thay đổi ngày 16/3.

Công ty cũng thay đổi ngành nghề kinh doanh chính từ hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, hỗ trợ giáo dục... sang kinh doanh bất động sản, xây dựng nhà ở, công trình...

Đầu tư Khu công nghiệp Vinhomes được đổi tên từ công ty Vingroup Ventures vào ngày 27/2. Vingroup định hướng Vinhomes phát triển mảng bất động sản khu công nghiệp như một động lực tăng trưởng mới trong tương lai. Có như vậy, Vinhomes sẽ phát triển 3 trụ cột chính gồm bất động sản nhà ở, văn phòng và khu công nghiệp.

### **Công ty con của VRC phát hành 300 tỷ đồng trái phiếu, lãi suất 11%/năm**

Theo thông tin từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), CTCP ADEC - công ty con của Bất động sản và Đầu tư VRC (HoSE: VRC) đã phát hành 300 tỷ đồng trái phiếu. Đây là loại trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có tài sản đảm bảo. Trái phiếu có kỳ hạn 12 tháng, trả lãi 6 tháng/lần với lãi suất 11%/năm.



## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DRC	Bán	24/3/2020	16.8	18.6	-9.9%	20.9	12%	17.3	-7%	Thùng hỗ trợ
2	SZL	Bán	24/3/2020	29.15	32.70	-10.9%	36.5	11.6%	30.0	-8.3%	Thùng hỗ trợ

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VRE	Mua	20/3/2020	19.00	21.90	-13.2%	24.0	10%	20.5	-6%	
2	MSN	Mua	23/3/2020	49.20	49.20	0.0%	55.0	12%	46.5	-5%	
3	PVS	Mua	17/3/2020	10.10	10.80	-6.5%	13.0	20%	9.9	-8%	
4	SZC	Mua	16/3/2020	13.45	14.10	-4.6%	16.0	13%	13.2	-6%	
5	DGC	Mua	16/3/2020	21.50	22.80	-5.7%	27.0	18%	21.0	-8%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 23/03/2020							Thông tin chứng quyền					
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (**) (VND)	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CDPM2001	1,000	220	-26.67 %	-78%	21,486	88	11,050	0	KIS	DPM	14,567	2	19/06/2020
CDPM2002	1,700	1,340	-21.18 %	-21%	2,500	268	11,050	97	KIS	DPM	15,252	1	16/12/2020
CFPT1905	9,900	400	-38.46 %	-96%	4,678	30	44,400	(0)	SSI	FPT	55,000	1	22/04/2020
CFPT1906	1,700	40	-33.33 %	-98%	16,566	16	44,400	(0)	HSC	FPT	57,000	5	08/04/2020
CFPT1908	3,150	450	-41.56 %	-86%	11,760	86	44,400	0	MBS	FPT	54,000	3	17/06/2020
CFPT2001	1,600	350	-12.5 %	-78%	676	91	44,400	0	HCM	FPT	56,000	5	22/06/2020
CFPT2002	2,900	300	-40 %	-90%	2,117	121	44,400	0	VCI	FPT	58,000	2	22/07/2020
CGMD1901	1,680	30	-25 %	-98%	2,200	36	15,300	(0)	MBS	GMD	24,929	3	28/04/2020
CGMD2001	1,000	40	-33.33 %	-96%	25,634	91	15,300	0	HCM	GMD	25,000	4	22/06/2020
CHDB2001	2,000	160	-11.11 %	-92%	280	88	19,450	0	KIS	HDB	29,099	2	19/06/2020
CHDB2002	1,950	100	-16.67 %	-95%	27,402	18	19,450	(0)	MBS	HDB	26,000	2	10/04/2020
CHDB2003	2,700	650	-10.96 %	-76%	1,000	268	19,450	2	KIS	HDB	32,123	2	16/12/2020
CHPG1907	4,200	530	1.92 %	-87%	18,599	30	17,300	(0)	SSI	HPG	21,000	1	22/04/2020
CHPG1909	1,800	100	-44.44 %	-94%	23,201	53	17,300	(0)	KIS	HPG	24,680	2	15/05/2020
CHPG2001	1,800	140	-51.72 %	-92%	123	99	17,300	0	HCM	HPG	24,000	2	30/06/2020
CHPG2002	1,700	580	-14.71 %	-66%	230	268	17,300	3	KIS	HPG	29,999	2	16/12/2020
CHPG2003	1,570	140	-44 %	-91%	20,117	42	17,300	0	MBS	HPG	22,100	3	04/05/2020
CMBB1903	4,000	120	0 %	-97%	20,185	30	14,900	(0)	SSI	MBB	22,000	1	22/04/2020
CMBB1905	1,700	30	-25 %	-98%	16,070	16	14,900	-	HSC	MBB	23,000	2	08/04/2020
CMBB2001	1,600	150	-34.78 %	-91%	6,099	91	14,900	0	HCM	MBB	21,000	2	22/06/2020
CMSN1902	3,000	60	20 %	-98%	6,586	53	49,200	(0)	KIS	MSN	77,889	5	15/05/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



CMSN2001	2,300	1,050	-12.5 %	-54%	4,920	268	49,200	120	KIS	MSN	65,789	5	16/12/2020
CMWG1907	1,900	30	0 %	-98%	52,411	16	71,800	-	HSC	MWG	125,000	10	08/04/2020
CMWG2001	1,700	50	-28.57 %	-97%	29,490	91	71,800	0	HCM	MWG	115,000	10	22/06/2020
CMWG2002	1,950	100	-41.18 %	-95%	16,422	109	71,800	0	MBS	MWG	110,000	10	10/07/2020
CMWG2003	1,530	30	-40 %	-98%	8,396	32	71,800	(0)	MBS	MWG	114,500	10	24/04/2020
CNVL2001	2,300	-	0 %	-100%	-	268	52,000	78	KIS	NVL	65,888	4	16/12/2020
CPNJ2001	2,200	50	-44.44 %	-98%	1,947	32	51,200	(0)	MBS	PNJ	83,500	5	24/04/2020
CREE1903	7,600	150	-68.75 %	-98%	1,602	30	27,750	(0)	SSI	REE	36,000	1	22/04/2020
CREE1905	2,150	360	-40 %	-83%	2,499	86	27,750	0	MBS	REE	34,600	3	17/06/2020
CREE2001	1,100	170	-52.78 %	-85%	1,130	91	27,750	0	HCM	REE	36,000	5	22/06/2020
CROS2001	1,500	50	-28.57 %	-97%	36,538	88	4,880	(0)	KIS	ROS	26,468	4	19/06/2020
CSBT2001	2,900	1,210	-11.68 %	-58%	330	268	13,700	0	KIS	SBT	21,111	1	16/12/2020
CSTB2001	1,500	600	-30.23 %	-60%	34,745	86	9,120	0	KIS	STB	10,999	1	17/06/2020
CSTB2002	1,700	1,370	-15.43 %	-19%	2,292	268	9,120	41	KIS	STB	11,888	1	16/12/2020
CTCB1902	5,300	480	-32.39 %	-91%	5,168	74	16,150	0	VND	TCB	21,000	1	05/06/2020
CTCB2001	1,700	110	-42.11 %	-94%	2,220	91	16,150	0	HCM	TCB	23,000	2	22/06/2020
CVHM1902	18,600	4,000	1900 %	-78%	4,434	30	59,400	(0)	SSI	VHM	85,000	1	22/04/2020
CVHM2001	3,100	1,020	-26.62 %	-67%	2,710	268	59,400	3	KIS	VHM	94,567	5	16/12/2020
CVIC1902	22,700	30	-62.5 %	-100%	400	30	76,800	(0)	SSI	VIC	115,000	1	22/04/2020
CVIC1903	2,100	40	-50 %	-98%	20,905	53	76,800	(0)	KIS	VIC	123,000	10	15/05/2020
CVIC2001	3,800	-	0 %	-100%	-	268	76,800	0	KIS	VIC	126,468	5	16/12/2020
CVJC1902	27,900	70	-46.15 %	-100%	10,058	30	95,800	(0)	SSI	VJC	130,000	1	22/04/2020
CVJC2001	2,400	-	0 %	-100%	-	268	95,800	0	KIS	VJC	173,137	10	16/12/2020
CVNM1902	1,900	10	-66.67 %	-99%	10,428	3	83,700	-	HSC	VNM	133,333	10	26/03/2020
CVNM1903	26,600	390	105.26 %	-99%	1,169	30	83,700	(0)	SSI	VNM	120,000	1	22/04/2020
CVNM1904	1,900	20	-50 %	-99%	8,929	16	83,700	-	HSC	VNM	133,000	10	08/04/2020
CVNM1905	2,500	30	-25 %	-99%	1,510	36	83,700	(0)	MBS	VNM	126,800	10	28/04/2020
CVNM2001	1,700	110	-65.62 %	-94%	4,446	91	83,700	0	HCM	VNM	118,983	10	22/06/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVNM2002	3,200	700	-22.22 %	-78%	2,015	268	83,700	0	KIS	VNM	141,111	5	16/12/2020
CVPB2001	1,500	1,040	-40.91 %	-31%	6,607	91	19,600	189	HCM	VPB	20,000	2	22/06/2020
CVPB2002	1,000	160	-77.46001 %	-84%	4,170	16	19,600	0	VPBS	VPB	20,300	2	08/04/2020
CVPB2003	2,200	1,890	-43.41 %	-14%	910	121	19,600	71	VCI	VPB	22,000	1	22/07/2020
CVRE1902	1,300	30	-25 %	-98%	4,601	16	19,000	-	HSC	VRE	32,500	4	08/04/2020
CVRE1903	2,700	50	-28.57 %	-98%	3,000	53	19,000	(0)	KIS	VRE	35,789	2	15/05/2020
CVRE2001	1,500	140	-22.22 %	-91%	70	(69)	19,000	(4,535)	KIS	VRE	36,789	4	14/01/2020
CVRE2002	1,400	50	-37.5 %	-96%	820	91	19,000	0	HCM	VRE	32,000	4	22/06/2020
CVRE2003	3,000	490	-18.33 %	-84%	114	268	19,000	0	KIS	VRE	37,999	2	16/12/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
<a href="#">DXG</a> (New)	HOSE	9,720	15,970	18/03/2020	1,283	2,817	18,715	11%	5%	4.8	0.9	-
<a href="#">MSN</a> (New)	HOSE	49,200	69,980	18/03/2020	3,355	2,870	47,428	7%	3%	23.7	1.4	-
<a href="#">POW</a> (New)	HOSE	7,870	16,100	13/03/2020	3,529	1,294	14,126	11%	7%	12.4	1.1	0%
<a href="#">HVN</a> (New)	HOSE	18,550	21,300	13/03/2020	1,558	950	13,139	8%	2%	22.4	1.6	3%
<a href="#">TCB</a>	HOSE	16,150	24,500	12/03/2020	12,047	3,442	20,737	15%	3%	7.2	1.2	0%
<a href="#">FPT</a>	HOSE	44,400	52,300	11/03/2020	4,444	4,832	17,843	24%	12%	11.0	2.9	20%
<a href="#">ACB</a>	HNX	19,300	27,100	02/03/2020	6,796	4,206	19,672	25%	2%	6.4	1.4	10%
<a href="#">NLG</a>	HOSE	19,000	35,560	28/02/2020	1,108	4,261	24,839	18%	11%	6.1	1.0	1%
<a href="#">HPG</a>	HOSE	17,300	24,000	27/02/2020	6,696	2,400	19,514	12%	6%	10.0	1.2	0%
<a href="#">MWG</a>	HOSE	71,800	128,200	27/02/2020	4,835	10,664	35,484	30%	10%	12.0	3.6	15%
<a href="#">VJC</a>	HOSE	95,800	120,000	18/02/2020	4,524	8,293	34,498	24%	7%	14.3	3.4	10%
<a href="#">DGW</a>	HOSE	18,150	31,500	13/02/2020	202	4,837	26,814	18%	6%	6.5	1.2	5%
<a href="#">PNJ</a>	HOSE	51,200	99,800	04/02/2020	1,492	6,624	24,291	27%	15%	15.1	4.1	8%
<a href="#">VPB</a>	HOSE	19,600	27,500	16/01/2020	7,785	3,077	16,496	20%	2%	N/A	N/A	0%
<a href="#">TNG</a>	HNX	10,100	18,400	15/01/2020	237	3,801	17,718	22%	8%	3.9	0.8	20%
<a href="#">VNM</a>	HOSE	83,700	136,700	30/12/2019	10,682	5,865	16,278	40%	24%	20.7	7.4	50%
<a href="#">NVL</a>	HOSE	52,000	64,475	27/12/2019	3,309	3,154	22,311	14%	5%	17.7	2.4	0%
<a href="#">VCB</a>	HOSE	57,200	96,200	18/12/2019	19,925	5,372	23,779	26%	2%	7.4	1.8	0%
<a href="#">SBT</a>	HOSE	13,700	19,660	11/12/2019	399	656	12,339	5%	2%	30.0	1.6	6%
<a href="#">GEG</a>	HOSE	19,300	N/A	05/12/2019	267	1,060	11,512	10%	4%	N/A	N/A	7%

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2019 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

### © Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn) Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

### Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương, Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

### Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.